TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2025/LĐ-ST Ngày: 04/6/2025 V/v Tranh chấp bảo hiểm xã hội và tiền thưởng (hoa hồng)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn – Cử nhân luật;

2. Ông Phan Văn Cường – Giáo viên hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 271/2024/TLST-LĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội và tiền thưởng (hoa hồng)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-LĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phan Ngọc D, sinh năm 1993; thường trú: tổ G, Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định; địa chỉ liên hệ: tầng 8, tòa nhà N, 2 P, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Juy L, sinh năm 1989; địa chỉ: tầng H, tòa nhà N, 2 P, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/6/2024), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh M, Luật sư Chi nhánh văn phòng L1, thuộc đoàn luật sư Thành phố H, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH S; trụ sở: số A, đường số E, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/10/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng*: bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1987; địa chỉ: Ô KDC V, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Phan Ngọc D bắt đầu làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 08/2015. Hai bên không thỏa thuận thời gian thử việc. Ông D có yêu cầu công ty ký kết hợp đồng lao động nhưng Công ty không tiến hành ký kết mà hai bên thỏa thuận bằng miệng hợp đồng lao động không xác định thời hạn; công việc phải làm là nhân viên kinh doanh; địa điểm làm việc tại trụ sở của công ty ở số A, đường số E, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; mức lương cơ bản từ tháng 08/2015 đến tháng 01/2024 là 5.000.000 đồng/tháng, từ tháng 02/2024 đến khi nghỉ việc là 7.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra không còn khoản tiền phụ cấp nào khác nhưng có thỏa thuận tiền thưởng hoa hồng kinh doanh hàng tháng bắt đầu từ khi làm việc tại công ty. Tiền thưởng được tính theo doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ hàng tháng mà ông D đem về cho công ty và được hưởng 32% mức doanh thu áp dụng từ thời điểm bắt đầu vào làm việc cho đến ngày 01/07/2023. Từ ngày 01/07/2023 nếu mức lợi nhuận trên 500.000.000 đồng/tháng sẽ được hưởng 32% mức doanh thu, mức lợi nhuận từ 300.000.000 đồng/tháng đến 499.000.000 đồng/tháng sẽ được hưởng 25% mức doanh thu. Thời gian thỏa thuận làm việc 08 tiếng/ngày, một tuần làm từ thứ hai đến thứ bảy, 01 tháng làm 26 ngày.

Quá trình làm việc ông D luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao và được hưởng tiền lương đầy đủ. Đến ngày 02/04/2024, ông D chính thức nghỉ việc. Khi nghỉ việc, công ty vẫn còn nợ tiền thưởng hoa hồng kinh doanh từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2024 với số tiền là 1.256.429.976 đồng. *Căn cứ vào Vi bằng từ trang 03 đến trang 34 và từ trang 40 đến trang 49 ông D yêu cầu số tiền hoa hồng còn lại là 1.507.777.300 đồng.* Tuy nhiên, do có sự nhầm lẫn khi tính toán nên nay ông D chỉ yêu cầu công ty trả hoa hồng kinh doanh còn lại với số tiền 1.256.429.976 đồng.

Sau nhiều lần ông D yêu cầu công ty thanh toán số tiền hoa hồng kinh doanh nêu trên nhưng công ty cố tình không thanh toán. Vào ngày 27/4/2024, ông Phạm Văn C đại diện của công ty có trao đổi về việc sẽ kiểm tra và thanh toán cho ông Phan Ngọc D số tiền hoa hồng kinh doanh của ông D (nội dung được ghi nhận tại trang 44 của Vi bằng). Tuy nhiên, đến nay phía công ty vẫn không thanh toán số tiền hoa hồng kinh doanh còn lại cho ông D.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nên ông D khởi kiện yêu cầu:

- Buộc Công ty TNHH S trả cho ông D số tiền thưởng kinh doanh mà công ty còn nợ ông D là 1.256.429.976 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 02/04/2024 đến ngày 03/05/2025 với lãi suất 10%/năm là: 1.256.429.976 đồng x 10%/năm x 300 ngày = 126.331.452 đồng. Công ty phải chịu lãi chậm trả mức 10% từ sau ngày 03/04/2025 cho đến khi Công ty TNHH S trả hết toàn bộ số tiền trên.

- Buộc Công ty TNHH S trả cho ông Phan Ngọc D số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn với tổng số tiền là 116.220.000 đồng.

Tại Đơn xin rút, bổ sung và thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện và Bản trình bày yêu cầu khởi kiện đề ngày 03/6/2025 nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện:

- Buộc Công ty TNHH S trả cho ông D số tiền thưởng kinh doanh mà công ty còn nợ ông D là 1.256.429.976 đồng.

- Yêu cầu Công ty TNHH S thực hiện kê khai, đóng và xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho nguyên đơn từ thời gian thực tế bắt đầu nhận tiền lương bằng hình thức chuyển khoản) trong khoảng thời gian từ 01/2023 đến tháng 03/2024 với mức lương 5.000.000 đồng/tháng.

Đối với bị đơn Công ty TNHH S:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Theo bản tự khai, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương là ông Dương Văn T trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH S cho người lao động thì Công ty TNHH S không tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Phan Ngọc D. Còn đối với yêu cầu khác của ông D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là luật sư Võ Thị Thanh M trình bày:

Nguyên đơn bắt đầu làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 8/2015, hai bên không thỏa thuận thời gian thử việc Ông D có yêu cầu Công ty ký kết hợp đồng lao động nhưng không ký kết. Công việc của ông D là tìm kiếm các khách hàng

tiềm năng có nhu cầu sử dụng dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa: cước vận chuyển hàng vận tải nội địa hoặc quốc tế, thủ tục hải quan; Lên kế hoạch gặp gỡ, xúc tiến việc vận chuyển hàng hóa cho khách hàng; Lập báo giá theo yêu cầu của khách hàng; Phối hợp với các bộ phận khác để xử lý các vấn đề phát sinh; Tư vấn quy trình xuất nhập khẩu, làm báo giá, gửi cho khách hàng; Triển khai đơn hàng, theo dõi quá trình nhập khẩu, xuất khẩu từ kho khách hàng đến điểm đến; Kiểm tra chứng từ cùng các bộ phận CS, CUS; Phối hợp với OPS xử lý đơn hàng. Mức lương cơ bản từ tháng 8/2015 đến tháng 1/2024 là: 5.000.000 đồng/ tháng; từ tháng 02/2024 đến khi nghỉ việc ngày 02/4/2024 là: 7.000.000 đồng/ tháng. Ngoài ra không còn khoản tiền phụ cấp nào khác nhưng hai bên có thỏa thuận tiền thưởng hoa hồng kinh doanh hàng tháng bắt đầu từ khi làm việc tại Công ty.

Mặc dù nguyên đơn vào làm việc tại công ty vào tháng 8/2015 nhưng không có gì chứng minh, vì vậy nguyên đơn xác định chính thức vào làm việc từ ngày 01/2023 theo sao kê ngân hàng mà bị đơn thanh toán tiền lương cho nguyên đơn. Như vậy giữa ông Phan Ngọc D và Công ty S có phát sinh quan hệ lao động, cả hai có thuê mướn, sử dụng lao động, có sự quản lý, báo cáo và có thực hiện chi trả lương theo đúng quy định tại theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 Bộ luật lao động 2012, điều 90, 94, 95 Bộ luật Lao động 2012. Quan hệ lao động nêu trên giữa nguyên đơn và bị đơn trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Sau khi nguyên đơn nghỉ việc, căn cứ vào lập vi bằng nội dung nguyên đơn yêu cầu bị đơn thì tổng số tiền thưởng kinh doanh mà bị đơn còn nợ là: 1.507.177.300 đồng (Một tỷ năm trăm lẻ bảy triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm đồng). Tuy nhiên do tính toán có sự nhầm lẫn nên khi tính toán số tiền bị đơn chưa trả là 1.256.429.976 (Một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi sáu) đồng.

Căn cứ theo điểm đ Khoản 2 Điều 6 Bộ luật lao động 2012: “đ) Thực hiện các quy định khác của pháp luật về lao động, pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về bảo hiểm y tế.” và Khoản 2 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội 2014: Trách nhiệm của người sử dụng lao động “2. Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội.” thì việc kê khai đóng BHXH đây là nghĩa vụ của Công ty S. Việc không thực hiện các nghĩa vụ trên đã làm cho quyền và lợi ích của người lao động bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Nên nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn phải xác nhận và đóng BHXH cho nguyên đơn từ tháng 01/2023 đến thời điểm người lao động nghỉ việc cụ thể tháng 3/2024 theo mức tiền lương cơ bản 5.000.000 đồng. Nguyên đơn cũng đồng ý đóng phần của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, như vậy là không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền thưởng (hoa hồng) và tiền bảo hiểm xã hội nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội và tiền thưởng (hoa hồng)", bị đơn có trụ sở: số A, đường số E, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Điều 32 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Bị đơn vắng mặt; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người bảo vệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người làm chứng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[1.3] Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì. Vì vậy, bị đơn phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn và các đương sự khác cung cấp.

[1.4] Tại đơn xin rút, bổ sung và thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đề ngày 03/6/2025, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi chậm trả từ 02/4/2024 đến khi thanh toán xong khoản tiền thưởng. Xét việc rút một phần yêu cầu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn xác định làm việc tại Công ty S từ tháng 08/2015, các bên không ký kết hợp đồng lao động nhưng thỏa thuận bằng lời nói hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công việc phải làm, mức lương cơ bản, thời gian, địa điểm làm việc, tiền thưởng (hoa hồng). Tại sao kê tài khoản thể hiện ngày 02/02/2023 nội dung "*Duy T1*" số tiền 5.000.000 đồng; ngày 28/4/2023 nội dung "*Mr Duy luong T4*" số tiền 5.000.000 đồng; ngày 15/5/2023 nội dung "*Mr Duy luong ung T5*" số tiền 5.000.000 đồng; ngày 15/7/2023 nội dung "*Duy T7*" số tiền 5.000.000 đồng...Như vậy, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có quan

hệ lao động với nhau, quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên có giá trị và hiệu lực thi hành.

[2.2] Ông D xác định tiền thưởng được tính theo doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ hàng tháng mà ông D đem về cho Công ty và được hưởng 32%/mức doanh thu áp dụng từ thời điểm bắt đầu vào làm việc cho đến ngày 01/7/2023. Từ ngày 01/7/2023 nếu mức lợi nhuận trên 500.000.000 đồng/tháng sẽ được hưởng 32%/mức doanh thu, mức lợi nhuận từ 300.000.000 đồng/tháng đến 499.000.000 đồng/tháng sẽ được hưởng 25%/mức doanh thu. Căn cứ thông tin sao kê tài khoản [ngày 06/01/2023 nội dung "*Duy T12 2021*" số tiền 13.593.538 đồng; ngày 18/01/2023 nội dung "*Duy KD*" số tiền 6.000.000 đồng; ngày 02/8/2023 nội dung "*Duy T8 2023*" số tiền 20.000.000 đồng; ngày 31/8/2023 nội dung "*Mr Duy T9 2023*" số tiền 20.000.000 đồng; ngày 04/9/2023 nội dung "*Duy ung*" số tiền 50.000.000 đồng…] có căn cứ xác định giữa ông D và Công ty có thỏa thuận về mức tiền thưởng theo mức doanh thu người lao động thực hiện.

Ngày 02/04/2024 nguyên đơn nghỉ việc. Sau khi nghỉ việc bị đơn chưa trả tiền thưởng (hoa hồng) cho ông D với số tiền 1.256.429.976 đồng. Xét thấy, *vào ngày 27/4/2024 ông Phạm Văn C- người đại diện hợp pháp của công ty có trao đổi về việc sẽ kiểm tra và thanh toán cho ông Phan Ngọc D số tiền hoa hồng kinh doanh.* Tuy nhiên, đến nay phía bị đơn vẫn không có phản hồi và không thanh toán số tiền hoa hồng kinh doanh còn lại cho ông D. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền thưởng Công ty S còn thiếu ông D là 1.256.429.976 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu bị đơn phải xác nhận và đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn từ tháng 01/2023 đến tháng 3/2024. Nguyên đơn xác định quá trình làm việc bị đơn không tham gia BHXH cho nguyên đơn, không trích từ tiền lương của nguyên đơn để tham gia BHXH, và Bảo hiểm xã hội thành phố D cũng xác định bị đơn không tham gia BHXH cho nguyên đơn.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội thì việc tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động là nghĩa vụ chung của người lao động và người sử dụng lao động. Việc chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội là trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội. Do đó, bị đơn và nguyên đơn phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật từ tháng 01/2023 đến tháng 3/2024 theo mức lương là 5.000.000 đồng/tháng tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D. Việc đóng bảo hiểm xã hội phải thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, 39, 147, 227, 228, 229, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; căn cứ vào các Điều 48, 104 và 168 Bộ luật Lao động năm 2019; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc D về tiền lãi chậm trả từ ngày 02/4/2024.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc D đối với Công ty TNHH S về việc "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội và tiền thưởng (hoa hồng)".

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm trả cho ông Phan Ngọc D số tiền 1.256.429.976 (Một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Buộc Công ty TNHH S và ông Phan Ngọc D phải tham gia và đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật từ tháng 01/2023 đến tháng 3/2024 trên mức lương 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/tháng tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D.

4. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu 29.128.600 (hai mươi chín triệu một trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHA DS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Trung Hiếu